

ẤP THỦ TRUNG, HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

Đào Tố Uyên*

Ấp Thủ Trung là một trong những ấp được thành lập vào năm 1829 cùng với 60 lý, ấp, trại giáp khác để hình thành nên huyện Kim Sơn do Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ đứng ra tổ chức và thực hiện. Ấp Thủ Trung xưa kia thuộc tổng Hướng Đạo, phủ Yên Khánh, trấn Ninh Bình¹, nay là thôn Thủ Trung, xã Kim Chính, huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Phía Bắc giáp thôn Yên Thổ, phía Nam giáp sông Đáy, phía Đông giáp ấp Đồng Đắc và phía Tây giáp ấp Kiến Thái. Trước khi đến đây khai khẩn, đất Thủ Trung nói riêng và huyện Kim Sơn nói chung còn là vùng bãi biển ven bờ rộng bát ngát.

“... Kể từ khi mới bắt đầu

Quan tham tán Trứ só râu triều đình

Rằng: Nay hải phận Ninh Bình

Ước dư muôn mẫu Chân Ninh cũng gần”²

Nhưng cũng là vùng chỉ toàn lau lác và vùng đồng chua nước mặn: “Phương kỳ sơ lai thủy, diễm mẫn như lôi, lô cao mẫn địa, sa lãng liên thiên”³, nghĩa là lúc mới đến, muối như sấm, cỏ lau cỏ lác mọc đầy đất, sóng cát liền trời. Mặc dầu vậy, có dân là có làng, 9 ngàn mẫu dư mà Nguyễn Công Trứ thấy có thể khai khẩn được chẳng bao lâu đã trở thành một huyện, trong đó có ấp Thủ Trung.

1. Quá trình khẩn hoang thành lập ấp Thủ Trung

Sau khi đã xem xét địa thế, Nguyễn Công Trứ thấy có thể khẩn hoang để: “Trước là lợi nước, sau thiên điển hoàn”. Ông đã đề nghị: “Cho những người địa phương giàu có chia nhau trông coi làm, mộ dân nghèo các hạt đến khai khẩn, cấp cho tiền công để làm nhà cửa, mua trâu bò, nông cụ, lại lượng cấp tiền gạo, lương tháng hạn trong 6 tháng. Ngoài hạn ấy thì làm lấy mà ăn, ba năm thành ruộng đều chiếu lệ tư điền mà đánh thuế”⁴.

Sau khi só râu của Nguyễn Công Trứ được vua Minh Mạng phê chuẩn, nhiều người đứng ra chiêu dân lập ấp để phá thảo khai hoang. Theo tài liệu địa phương thì hai người đứng ra chiêu dân khai hoang lập ấp Thủ Trung là Dương Công Nhuận và Vũ Quốc Khuê quê ở Đông Tĩnh và xã Hà Dương huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Nam Định⁵. Trong *Thủ Trung ký lục* do cụ Dương Công Nhuận viết vào năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) có ghi lại: “Khi được Nhà nước chuẩn y, cụ Nguyễn Công Trứ cùng với quan tuần phủ Lê Văn Túc phối hợp tiến hành. Được tin đó, chúng tôi bàn tính đi theo cụ Doanh điền sứ từ tháng 3 năm Kỷ Sửu để xem xét ruộng bãi. Đến

* PGS.TS, Khoa Lịch sử - ĐHSP Hà Nội

ngày 29 tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 10 về xã Thổ Mặt (Yên Khánh) lĩnh giấy tờ, đồ bản (đã xem thực địa). Sau khi phụng lĩnh giấy tờ, đồ bản đã bắt tay ngay vào việc khẩn hoang. Đúng ngày mồng 1 tháng 4 năm ấy bắt đầu làm lễ tế thần, đào đất khởi công, xây dựng làng mới, khai sông đắp đường, quy hoạch đồng ruộng, sửa sang mọi việc, đúng với thể chế đương thời. Từ đó đặt tên làng là ấp Thủ Trung”⁶. Lực lượng đến khai khẩn đầu tiên sau các cụ chiêu mộ là những nguyên mộ, đó là những người dân nghèo khổ từ xã Đông Tĩnh, xã Hà Dương, Đông Ba thượng và Đông Ba hạ thuộc huyện Đại An phủ Nghĩa Hưng trấn Nam Định cùng quê với các cụ chiêu mộ⁷.

“Vừa thời Minh Mệnh thập niên

Hai cởng cử dân lên một tờ

Mười phần xin mộ số ba

Dựng lên một ấp tên là Thủ Trung”⁸

Ngày mồng 1 tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 10 bắt đầu động thổ khởi công. Đến đầu tháng 11 năm ấy hai cụ Dương Công Nhuận và Vũ Quốc Khuê đứng ra khai số đình đã mộ được và số ruộng đất đã khai khẩn được để xin Nhà nước cấp trâu bò, cày bừa. Về sau có thêm một số thứ mộ và tòng mộ từ xã Trà Lũ huyện Giao Thủy (Nam Định) đến và từ huyện Yên Mô (Ninh Bình) sang. Theo cuốn *Thủ Trung ký lục* thì từ năm Kỷ Sửu (Minh Mệnh thứ 10) đến năm Giáp Ngọ (Minh Mệnh thứ 15), ấp Thủ Trung có tất cả 57 đình từ các nơi khác đến. Trong đó lực lượng nguyên mộ, thứ mộ là những người quyết định đưa đến sự thành công của công cuộc khẩn hoang.

“Gian nan năm, sáu năm trời

Mở mang bờ cõi sông ngòi khang trang

Có điền thổ, có dân làng

Đặt ra bốn giáp chúng thường kỳ yêu”⁹

Sau khi lập ấp, năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), dân ấp làm lễ tế cáo thần, chọn đất, định hướng phân chiêm. Tháng 11 dựng lên 3 gian chính ngự. Cuối tháng Chạp, ngôi miếu của ấp hoàn thành. Chân nhang thành hoàng từ miếu Đông Tĩnh được rước về miếu Thủ Trung để tế tự¹⁰. Miếu làm xong, ấp Thủ Trung cũng được chia thành 4 giáp: Đông Thanh, Tây Bình, Nam An và Bắc Định để bốn mùa hưởng tế. Đứng đầu là Ấp trưởng Dương Công Nhuận, bên cạnh đó còn có viên Dịch mục do cụ Vũ Quốc Khuê đảm nhận. Ngay sau khi lập ấp, quy ước của làng cũng được đặt ra là: *Hương trung tương ước* để mọi người trong ấp cùng thi hành. Bản hương ước của ấp Thủ Trung gồm 212 điều với 17 đại mục đã nêu lên một cách đầy đủ, hệ thống và chặt chẽ những quy định bắt buộc mọi người phải thực hiện. Cuối bản Hương ước ghi rõ: “Vĩnh thủ vi thường, khán mỗ vi ước giữ bền cái, khinh giả phạt tiền tam quán, trọng giả trước vị cùng bạ dĩ mỹ phong tục”¹¹. Nghĩa là những điều ước này là vĩnh viễn, không ai được tự ý thay đổi. Nếu người nào vi phạm, nhẹ thì bị phạt 3 quan tiền, nặng sẽ bị ghi tên ở cuối sổ để giữ gìn phong tục đẹp đẽ.

Như vậy về cơ bản, tổ chức làng xã ở cự quán lại được tái lập trên đất Thủ Trung và dần dần được bổ sung như một làng xã cổ truyền một cách hoàn chỉnh.

2. Tình hình ruộng đất ở ấp Thủ Trung từ sau khi lập ấp cho đến giữa thế kỷ XIX

Qua những tư liệu văn tự ở địa phương giúp chúng ta hiểu được phần nào kết quả của công cuộc khẩn hoang cũng như tình hình phân phối ruộng đất ở đây sau khai hoang. Theo tờ khai của Ấp trưởng Dương Công Nhuận và Dịch mục Vũ Quốc Khuê thì đến tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) ấp Thủ Trung thuộc tổng Hướng Đạo huyện Kim Sơn phủ Yên Khánh có 31 đình. Trong đó nguyên ngạch thực số có 30 người và một ngoại tịch¹². Còn về ruộng đất, theo cuốn *Công tư điền thổ thuế ngạch* viết năm Minh Mệnh thứ 15 thì toàn bộ ruộng đất của ấp Thủ Trung lúc đó có 360 mẫu, phù sa thành ruộng 2 mẫu. Trong đó tư điền là 250 mẫu, được phân hạng như sau:

Nhất đẳng điền (ruộng loại 1): 17 mẫu.

Nhị đẳng điền (ruộng loại 2) : 34 mẫu.

Tam đẳng điền (ruộng loại 3): 199 mẫu.

Các hạng thổ: 108 mẫu.

Trong đó:

Thổ cư 31 mẫu

Thổ ương (đất gieo mạ 30 mẫu).

Đất để mò mả và bãi thả trâu 21 mẫu.

Đất cới 26 mẫu.

Như vậy lấy tổng số đất ở chia cho dân đình thì bình quân mỗi đình được một mẫu đất ở (đúng với quy định chung của Nhà nước đối với tất cả các làng ấp). Trong 250 mẫu ruộng đất đã cấy cấy được trừ 28 mẫu 9 sào là các loại ruộng làng quản lí. Bản *Hương trung tương ước* cho biết làng để 17 loại ruộng theo công việc:

1. Ruộng khai trồng mỗ hàng năm (Mồng 6 tháng giêng)	1 mẫu
2. Bút chỉ lý trưởng	2 mẫu
3. Ruộng dịch mục	1 mẫu
4. Ruộng khoán thuê	5 sào
5. Ruộng tuần	1 mẫu
6. Ruộng hội tư văn	1 mẫu
7. Học điền	1 mẫu
8. Ruộng thần từ	2 mẫu
9. Ruộng cúng tế	8 mẫu
10. Ruộng thanh minh	1 mẫu 1 sào
11. Ruộng Chạp tổ	1 mẫu 3 sào
12. Ruộng hương đăng và giữ từ	2 mẫu 2 sào

13. Ruộng làng lão	1 mẫu
14. Đất làm đình	1 mẫu
15. Ruộng vàng mã	3 sào
16. Ruộng nhạc	1 mẫu
17. Ruộng mỗ	1 mẫu

Các loại ruộng trên không phải đóng thuế và được xem là sở hữu của làng, của hội. Hoa lợi thu được dùng vào việc tế lễ hàng năm và các việc công ích khác. Phần ruộng đất còn lại được chia theo chế độ “Tư điền quân cấp”¹³ mà trong sổ sách gọi là tư điền¹⁴. Bình quân cho một đình của ấp Thủ Trung khoảng trên 7 mẫu. So với mức bình quân của toàn huyện Kim Sơn lúc đó (10 mẫu/1đình), ấp Trì Chính 10 mẫu/1 đình, các ấp, trại của tổng Chát Thành khoảng 6 - 7 mẫu/1đình thì ở Thủ Trung thuộc mức trung bình. Theo chế độ chung, ruộng đất này được hưởng hết một đời. Sau này nếu người được chia ruộng chết, nếu không có con trai hoặc có con trai nhưng chưa đến tuổi thành đinh thì ruộng đất đó phải trả lại cho làng. Ở Thủ Trung ruộng mới khai hoang sau 5 năm mới phải nộp thuế và lệ thuế năm đầu tiên là:

Thóc: 168 bát.

Thập vật tiền: 4 mạch.

Mao nha tiền: 20 văn¹⁵

Như vậy số thóc và tiền phải nộp hết sức nhẹ, đây là một ưu ái của Nhà nước đối với người khai hoang.

Từ năm Tự Đức nguyên niên (1848) Nhà nước ban hành chế độ ruộng đất mới ở Kim Sơn: Ruộng đất cấp cho dân đình chia thành 2 loại: Một nửa là tư điền thế nghiệp và một nửa là tư điền quân cấp. Chế độ này được bổ sung thêm bằng sự phê chuẩn của vua Tự Đức ngày 12 tháng 11 năm Tự Đức thứ 4 (2/1/1852). Với quyết định này con trai đẻ cũng như con nuôi, vợ góa và con gái của nguyên mộ chết trước năm 1848 cũng được chia một phần ruộng thế nghiệp. Theo cuốn *Sơ đồ cấp ruộng tư* của ấp Thủ Trung năm Tự Đức thứ 6 thì số người có tên trong sổ là 69 người với số ruộng đất được cấp theo thứ bậc khác nhau¹⁶. Cụ thể là:

- Chiêu mộ Dương Công Nhuận: 2 mẫu 5 sào (thổ cư), 8 mẫu 3 sào (ruộng tư).
- Chiêu mộ Vũ Quốc Khuê: 2 mẫu 5 sào (thổ cư), 7 mẫu ruộng tư.
- Các nguyên mộ mỗi người 1 mẫu thổ cư và trên 4 mẫu ruộng tư.
- Các thứ mộ mỗi người 1 mẫu thổ cư và trên 3 mẫu ruộng tư.
- Các tân mộ mỗi người được 1 mẫu thổ cư và trên 2 mẫu ruộng tư.

Một số ít người khác có 5 sào thổ cư và hơn 1 mẫu ruộng tư, trong đó có tên của 2 phụ nữ, có lẽ họ đã được hưởng chế độ chung của Nhà nước ban hành vào năm Tự Đức thứ 4. Đó là những con trai hay vợ của các nguyên, thứ mộ chết trước năm 1848. Số ruộng đất tư điền thế nghiệp cho các chiêu, nguyên thứ mộ như vậy là tương

đổi cao. Từ khi có chính sách mới của Nhà nước đối với chế độ sở hữu ruộng đất ở Kim Sơn, ở ấp Thủ Trung cũng xuất hiện “Biểu điền” tức ruộng biểu cho các chiêu, nguyên, thứ mộ. Tờ *Biểu từ* của dân ấp Thủ Trung hội họp ngày 12 tháng 4 năm Tự Đức thứ 6¹⁷ có ghi rõ: Dân ấp thuận tình dành ra một khu tư thổ tại xứ ngoại đê, Bắc giáp sông Ân, Nam giáp tư điền, Đông giáp Đồng Đắc, Tây giáp Kiến Thái. Phần biểu ông nguyên mộ Ấp trưởng Dương Công Nhuận là 5 mẫu, ông Quản mộ Vũ Quốc Khuê 4 mẫu, ông nguyên mộ Dương Hoạch 2 mẫu 5 sào, ông Trần Thuý 2 mẫu 5 sào. Các ông thứ mộ mỗi vị được biểu 2 mẫu. Chiều theo đó nhận làm ruộng quản nghiệp, để biểu dương công lao của tiền nhân lại truyền cho con cháu mãi mãi về sau. Như vậy loại ruộng biểu thực chất là ruộng thế nghiệp và do đó tỷ lệ ruộng tư điền thế nghiệp so với tư điền quân cấp chắc chắn là cao hơn.

Tình hình phân phối ruộng đất ở ấp Thủ Trung theo quy định của Nhà nước vào năm 1852 còn được duy trì một thời gian tương đối lâu ở nửa sau thế kỷ XIX.

Đất ở, vườn ao ở Thủ Trung chiếm một tỷ lệ lớn so với đất mạ và đất công khác. Gọi là đất ở, nhưng thực ra một phần lớn thường dùng để cày cấy và nó lại là đất tốt nên có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống kinh tế gia đình. Trên sổ sách mỗi chiêu mộ ở Thủ Trung được 2 mẫu 5 sào đất ở nhưng khi đi khảo sát trên thực địa, chúng tôi thấy mỗi chiêu mộ ở một *giông* (1 *giông* có 1 chiêu = 2 đặc = 120 m và một chiêu 4,5 đặc = 270 m, diện tích = 32400 m² tương đương với 9 mẫu Bắc Bộ). Thổ cư thường đặt ở chỗ đất cao, cùng với tư điền thế nghiệp được phân bố ở Bắc sông Ân, là nơi được khai thác trước nên cày cấy có phần thuận lợi, năng suất cao mà thuế lại nhẹ nên quyền lợi của người khai hoang được đảm bảo.

3. Quy hoạch làng ấp sau khai hoang

Đất Kim Sơn nói chung và đất Thủ Trung nói riêng là đất bồi ven biển nên khi nước triều xuống là ruộng, khi nước triều lên bị ngập tràn. Bởi vậy vấn đề quy hoạch ấp cũng như vấn đề xây dựng hệ thống thủy lợi nhằm đảm bảo tưới tiêu và thau chua rửa mặn cho đồng ruộng là công việc hết sức quan trọng.

Nằm trong quy hoạch chung của huyện, ở hai phía Đông và Tây của ấp Thủ Trung giáp với ấp Kiến Thái và ấp Đồng Đắc là hai con mương chảy từ Bắc xuống Nam theo chiều dài của ấp. Hệ thống kênh mương này vừa để giữ nước ngọt nhằm phục vụ việc tưới ruộng khi nước triều lên, vừa có thể lợi dụng để tiêu nước khi gặp úng; lại vừa thau chua rửa mặn cho đồng ruộng. Những kênh mương này đồng thời cũng là hệ thống giao thông đường thủy rất thuận lợi cho việc vận chuyển lúc thời vụ và khi thu hoạch mùa màng.

Ngoài ra sau khi khai hoang, vấn đề xây dựng làng ấp cũng được xây dựng một cách khoa học dựa trên đặc điểm của địa hình.

Sau đây là bản phác họa quy hoạch của ấp Thủ Trung.

Yên Thổ (Yên Khánh - Ninh Bình)

ẤP Kiến Thái	Đê Cự Lĩnh (Đường quan)			ẤP Đồng Đắc
	Nơi để mồ mả và bãi thả trâu			
	Phù sa thành ruộng			
	Công điền			
	Đường ngang			
	Tư điền			
	Đường ngang			
	Ruộng thần tử			
	Thổ ở, vườn ao			
	Khu tư điền			
	Tư thổ trồng dâu			
	Đường Ân đê (đường 10)			
	Sông Ân			
	Nơi để mồ mả và bãi thả trâu			
	Khu tư biểu			
	Đường ngang			
	Đất mạ công (công ương thổ)			
	Đất công (công thổ)			
	Đường ngang			
	Công điền			

Nhìn chung, quy hoạch làng ấp ở đây cũng giống như các làng ấp khác trong huyện. Vùng đất giáp với Yên Khánh là vùng đất cao hơn, có nơi để mồ mả và bãi thả trâu. Đình miếu của làng được làm ở vùng đất cao, không xa dân lắm nhưng cũng về phía Bắc giáp với vùng đất cũ hơn. Khu tư điền được bố trí ở gần khu dân cư, thuận tiện cho việc cày cấy. Các khu công điền có xứ hậu đồng (phía Bắc của ấp), xứ tiền đồng (phía Nam ấp). Từ đây có thể mở rộng diện tích canh tác về phía Nam là nơi giáp với sông Đáy.

Cư dân trong ấp được bố trí theo chiều ngang của ấp thành những *giong* được xem là các xóm. Mỗi *giong* có một chiều là 4,5 đặc theo chiều ngang của ấp và một chiều là 2 đặc. *Giong* được giới hạn bằng các đường đất thẳng tắp trông rất đẹp mắt. Cách bố trí làng ấp sau khai hoang là sự thể hiện một cách nhìn khoa học và tài tình của Nguyễn Công Trứ.

4. Đời sống văn hoá, tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân sau khi lập ấp

Sau khi ấp Thủ Trung thành lập, đời sống văn hoá, tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân cũng được tái lập trên vùng đất mới.

Cư dân đến khai hoang lập ấp đầu tiên đều là những người cùng quê, cho nên chỉ 5 năm sau, khi làng đã ổn định thì đền thờ thành hoàng của làng cũng được dựng lên. Chân nhang thành hoàng của quê cũ là “Thần đền” được rước về để thờ phụng. Để có thể đứng vững được ở nơi mới khai hoang, mọi người phải đoàn kết, thương yêu giúp đỡ nhau và thành hoàng chính là nguồn động viên về mặt tinh thần để giúp mọi người vượt qua được những gian khổ và trụ được ở nơi đất mới.

Bên cạnh việc thờ thành hoàng, sau khi các chiêu mộ mất dân ấp Thủ Trung còn phối thờ hai cụ chiêu mộ trong miếu của làng. Điều này thể hiện lòng tôn kính đối với những người đã có công đầu trong khai hoang lập làng mới. Ngày giỗ chiêu mộ, dân trong làng đều đến miếu thắp hương tưởng niệm ở miếu rồi mới về nhà thờ tổ của dòng họ để cúng tế. Cư dân trong ấp đều coi đó là ngày giỗ chung và ngày hội của cả làng. Ngoài việc thờ thành hoàng và các chiêu mộ, miếu Thủ Trung còn thờ nhà Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ - là người Tổng chỉ huy công cuộc khẩn hoang lập nên huyện Kim Sơn.

Ở ấp Thủ Trung, Nho giáo cũng giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Điều này được phản ánh khá rõ nét trong phong tục tập quán cũng như quy ước của làng. Trong 17 loại ruộng của làng được ghi lại trong bản *Hương trung tương ước* có ruộng hội tư văn (giành cho những nhà nho) một mẫu và học điền một mẫu để khuyến khích những người đỗ đạt. Theo gia phả của họ Vũ¹⁸ ở Thủ Trung thì cụ chiêu mộ Vũ Quốc Khuê vốn là một nhà nho, đến Thủ Trung cụ vẫn làm nghề dạy học. Cho đến nay, họ Vũ ở Thủ Trung đã trải qua 6 đời, thì đời nào cũng có người làm nghề dạy học.

Ở ấp Thủ Trung ngay từ khi khẩn hoang lập ấp đã có sự tham gia của một số giáo dân. Cũng theo gia phả của họ Vũ ở Thủ Trung thì khi đến đây, cụ chiêu mộ Vũ Quốc Khuê không theo công giáo nhưng cụ bà thì lại theo công giáo và dòng họ này, 3 đời sau vẫn có người bên họ ngoại theo công giáo. Ngoài ra một số giáo dân ở các nơi khác cũng nhập cư vào các làng ấp mới làm cho số giáo dân ngày một đông. Tuy nhiên ở đây không có sự kỳ thị, phân biệt tôn giáo. Ngày giỗ cụ chiêu mộ vẫn có đại diện của giáo dân về tưởng niệm, thể hiện lòng biết ơn của họ đối với người có công khai phá lập làng.

5. Một vài nhận xét

Từ việc nghiên cứu ấp Thủ Trung (Huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình) ở nửa đầu thế kỷ XIX đã gợi mở cho chúng tôi một số suy nghĩ sau:

Thứ nhất: Những người đến đất Thủ Trung đầu tiên mà sau này được ấp suy tôn là Chiêu mộ là những người quê ở xã Đại An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Nam Định liền một dải với bờ biển huyện Kim Sơn. Họ đã cùng với anh em, bạn bè và những người cùng quê hương đã nhanh chóng hoà hợp trong một đơn vị khai hoang để rồi lại tái lập

ở làng ấp mới những sinh hoạt, những tổ chức cổ truyền mà trước đây đã có ở quê hương cũ.

Thứ hai: Ruộng đất khẩn hoang được trong những năm đầu ở Thủ Trung là ruộng “Tư điền quân cấp”. Sự phân phối ruộng đất sau khai hoang có chú ý phân biệt rõ ràng giữa những người đến trước và đến sau theo thứ bậc: Chiêu mộ, nguyên môn, thứ mộ và sau cùng là tân mộ, thể hiện công lao và đóng góp của người đến trước và đến sau.

Thứ ba: Ấp Thủ Trung được lập nên thì những quan hệ của làng xã cổ truyền lại được tái lập. Vì vậy, đương nhiên nó vẫn nằm trong khuôn khổ của các làng xã dưới chế độ phong kiến và chịu sự chi phối của ý thức hệ phong kiến. Nhưng mặt khác, những yếu tố mới vẫn phát triển, có ý nghĩa tích cực. Cấu trúc làng mới là loại “làng mở” hay “làng nhiều họ”. Họ đã quần tụ, gắn bó chặt chẽ với nhau và chính quan hệ đó đã bao trùm lên quan hệ dòng họ hẹp hòi vốn có. Mỗi quan hệ hợp tác, liên kết, sinh tử có nhau giữa con người với con người trong những năm khai hoang gian khổ chính là sức mạnh, là động lực to lớn không những giúp họ chiến thắng thiên nhiên khắc nghiệt mà còn là cơ sở để xây dựng nên một đời sống văn hoá, tư tưởng đa dạng và phong phú.

Thứ tư: Ấp Thủ Trung được xây dựng trên cơ sở trật tự kinh tế chứa đựng những yếu tố mới, đó là chế độ sở hữu nhỏ về ruộng đất và nền kinh tế tiểu nông được phục hồi, thủ công, thương nghiệp có điều kiện phát triển, đã thúc đẩy sự giao lưu giữa “làng tân” với “làng cũ”, giữa “làng tân” với “làng cựu”, tạo điều kiện cho nền kinh tế cũng như văn hoá, xã hội phát triển.

Thứ năm: Ấp Thủ Trung cũng như các lý, ấp, trại, giáp khác của huyện Kim Sơn đều cùng một loại làng theo quy hoạch chung, nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu cần thiết cho sự phát triển nông nghiệp của một làng ven biển vừa có thể phát triển tiếp tục theo địa hình tiến rất nhanh ra biển của huyện Kim Sơn.

Ấp Thủ Trung trải nhiều phen sóng gió nhưng vẫn đứng vững và sau này ngày càng được mở rộng thêm cả về diện tích và dân số bởi nó đã được xác lập bởi những con người kiên định trong bản đồ của huyện Kim Sơn.

CHÚ THÍCH

¹ Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: Năm Minh Mệnh thứ 10 đổi Đạo Ninh Bình thành Trấn Ninh Bình, đặt Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp, năm ấy đặt thêm huyện Kim Sơn - Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam nhất thống chí* tập 3. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội, tr.225.

² *Kim Sơn tân huyện sự tích* - Ca dao dân gian, sưu tầm tại địa phương.

³ Dương Công Nhuận - Năm Minh Mệnh thứ 15 - *Thủ Trung ký lục* - Bản chữ Hán, viết tay do cụ Vũ Thiện Sùng - trưởng tộc họ Vũ thôn Thủ Trung giữ.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 2, NXB Giáo dục, H.2004, tr.720.

⁵ Dương Công Nhuận - *Thủ Trung ký lục*. Tài liệu đã dẫn.

⁶ Dương Công Nhuận - *Thủ Trung ký lục*. Tài liệu đã dẫn.

⁷ Dương Công Nhuận - *Thủ Trung ký lục*. Tài liệu đã dẫn.

⁸ Bài ca về lịch sử thôn Thủ Trung - Ca dao dân gian, sưu tầm tại địa phương.

⁹ Bài ca về lịch sử thôn Thủ Trung - Ca dao dân gian, sưu tầm tại địa phương.

¹⁰ Dương Công Nhuận - Năm Minh Mệnh thứ 15 - *Thủ Trung ký lục* - Bản chữ Hán, viết tay do cụ Vũ Thiện Sùng - trưởng tộc họ Vũ thôn Thủ Trung giữ.

¹¹ Vũ Quốc Khuê, Dương Công Nhuận: Năm Minh Mệnh thứ 15 - *Hương Trung tương ước* - Bản chữ Hán viết tay do cụ Sùng - trưởng tộc họ Vũ thôn Thủ Trung giữ.

¹² Dương Công Nhuận, Vũ Quốc Khuê: *Bản khai về số đình mộ được ở ấp Thủ Trung*, tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) - Bản chữ Hán chép tay do cụ Vũ Thiện Sùng thôn Thủ Trung giữ.

¹³ Dương Công Nhuận: *Công tư điền thổ thuế ngạch năm Minh Mệnh thứ 15*- Bản chữ Hán chép tay do cụ Vũ Thiện Sùng thôn Thủ Trung giữ.

¹⁴ Dương Công Nhuận: *Công tư điền thổ thuế ngạch năm Minh Mệnh thứ 15*- Bản chữ Hán chép tay do cụ Vũ Thiện Sùng thôn Thủ Trung giữ.

¹⁵ Dương Công Nhuận: Năm Minh Mệnh thứ 15 - *Thuế lệ*. Bản chữ Hán chép tay do cụ Vũ Thiện Sùng thôn Thủ Trung giữ.

¹⁶ *Sơ đồ cấp ruộng tư của ấp Thủ Trung* - Tự Đức năm thứ 6. Bản chữ Hán sưu tầm tại địa phương.

¹⁷ *Biểu từ* viết năm Tự Đức thứ 6 - Bản chữ Hán - chép tay, sưu tầm tại địa phương.

¹⁸ *Vũ tộc gia phả* - Viết năm Tự Đức thứ 21. Bản chữ Hán do cụ Vũ Thiện Sùng thôn Thủ Trung giữ.